



FROM



home state
health.

Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Ambetter.HomeStateHealth.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Home State Health, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1A-** Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1B-** Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
RELEXXII TBCR 27 MG	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
Gold Compounds		
RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
Interleukin-1 Blockers		
ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>OTEZLA TBP</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Salicylates		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)
Opioid Agonists			<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	METHADONE HCL SOLN IJ	1B	
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)	NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B		NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
			<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
			<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA
Opioid Combinations		
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 2 MG-8 MG, 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
METHITEST TABS	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
UCERIS (<i>budesonide (intrarectal)</i>)	4	QL(3.2 gm daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
RECTIV 0.4 % (<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>)	3	QL(2 gm daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>ivermectin</i>	1B	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nitroglycerin CPR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTI-ANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTI-ASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>fluticasone propionate hfa 44 MCG/ACT</i>	2	6 rtl pack lmt amt; 90 rtl pack lmt day(s); 6 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
Bronchodilators - Anticholinergics					
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)	PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)	QVAR REDHALER	2	
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)	Sympathomimetics		
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)	AIRDUO DIGIHALER 113/14	3	
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)	AIRDUO DIGIHALER 232/14	3	
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)	AIRDUO DIGIHALER 55/14	3	
Leukotriene Modulators			AIRSUPRA	3	
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)	ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors			<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)	BREO ELLIPTA	2	
Steroid Inhalants			BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
ALVESCO	3	PA	<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	
ARNUITY ELLIPTA	2		DULERA	3	
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA	<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa 110 MCG/ACT, 220 MCG/ACT</i>	2	2 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 2 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)	<i>fluticasone-salmeterol AEPB</i>	1B	
			<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B		Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)	<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
PROAIR DIGIHALER	3		<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP
PROAIR RESPICLICK AEPB	3		<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
SEREVENT DISKUS	2		<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
STIOLTO RESPIMAT	2		<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
STRIVERDI RESPIMAT	2		<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B		<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B		<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 days retail; 7 ml per 180 days mail); SP
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)	<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 days retail; 5 ml per 180 days mail); SP
Xanthines			<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>aminophylline SOLN</i>	1B		FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>theophylline ELIX</i>	1B		<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)	HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
<i>theophylline TB12</i>	1B		Thrombin Inhibitors		
<i>theophylline TB24</i>	1B				
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners					
Coumarin Anticoagulants					
<i>warfarin sodium TABS</i>	1B				
Direct Factor Xa Inhibitors					
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)			
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)			
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply			
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)			

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG</i>	1B		BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B		BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures			BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
AMPA Glutamate Receptor Antagonists			BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>carbamazepine CHEW</i>	1B	
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA	<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA	<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B	
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA	<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Anticonvulsants - Benzodiazepines			<i>carbamazepine SUSP</i>	1B	
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA	<i>carbamazepine TABS</i>	1B	
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>clonazepam TABS</i>	1A		<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 rtl pack lmt per fill; 30 mail pack lmt amt	DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST	<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
			<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)
			<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)
			<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)
			<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
			<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Carbamates		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
Hydantoins		
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
DILANTIN	2	
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
CELONTIN (<i>methsuximide</i>)	3	QL(4 ea daily)
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 ea daily)
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression			ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)			Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antidepressants - Misc.			Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)			Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 ea daily)	<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)	<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B		<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B		<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists			N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)			Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s)
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B	
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B	
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)	Diabetic Other		
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>diazoxide</i>	3	
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
SOLIQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA	<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)	<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)	Incretin Mimetic Agents		
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)	OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)	TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA	VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA
Biguanides			Insulin		
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)	APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	APIDRA SOLN	3	PA
			BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
			HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
			HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
			INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
			INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B		<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B		<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B		<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2		<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2		<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA	ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA	Antiperistaltic Agents		
LEVEMIR SOLN	3	PA	<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2		<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2		<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2		MOTOFEN	3	
NOVOLIN N SUSP	2		ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2		Antidotes - Chelating Agents		
NOVOLIN R SOLN IJ	2		CHEMET	3	
Insulin Sensitizing Agents			<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
Meglitinide Analogues			<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	Antidotes and Specific Antagonists		
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	VISTOGARD	4	PA
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors			Opioid Antagonists		
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)	<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)	<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
Sulfonylureas			<i>naltrexone hcl</i>	1B	
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily)
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPk	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>miconazole sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
QUZYTIR SOLN IV	3	PA
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl SYRP</i>	1B	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily); 9 ea per 3 days retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 days retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
CAPASTAT SULFATE	3	
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rifampin SOLR</i>	1B		<i>decitabine</i>	4	SP; PA
SIRTURO	3	PA	<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)	<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer			<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
Alkylating Agents			<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA	<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA	<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
<i>carmustine</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA	<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4		<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA	<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA	TABLOID	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
LEUKERAN	4	SP; PA	INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>melphalan</i>	1B		LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
<i>melphalan hcl</i>	1B		LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
MYLERAN TABS	4	SP; PA	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
TEMODAR SOLR	4		LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
ZANOSAR	4	SP; PA			
Antimetabolites					
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA			
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA			
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA			
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA			

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
MVASI	4	PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ZIRABEV	4	PA	<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antineoplastic - Antibodies			<i>bicalutamide</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
ADCETRIS	4	SP; PA	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
RUXIENCE	4	PA	EMCYT	4	SP; PA
TRUXIMA	4	PA	ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
YERVOY	4	SP; PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP
KANJINTI	4	PA	FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
OGIVRI	4	PA	<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
PERJETA	4	SP; PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>letrozole</i>	1B	
TUKYSA	4	PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 ea daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors					
DAURISMO	4	PA			
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA			
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>toremifene citrate</i>	1B	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
XPOVIO	4	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastic Combinations		
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
BRUKINSA	4	PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
COPIKTRA	4	PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA	PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA	QINLOCK	4	PA
<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	RETEVMO	4	PA
IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA	<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA	ROZLYTREK CAPS	4	PA
IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA	RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA	<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
INREBIC	4	PA	SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); SP; PA
JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA	STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA	TABRECTA	4	PA
KOSELUGO	4	PA	TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
KYPROLIS	4	PA	TAFINLAR TBSO	4	PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA	TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
MEKINIST SOLR	4	PA	TAZVERIK	4	PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA	TIBSOVO	4	PA
MEKTOVI	4	SP; PA	TURALIO	4	PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA	VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA	VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
			XOSPATA	4	PA
			ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ZELBORAF	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
Antineoplastic Enzymes		
ONCASPAR	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B	
INTRON A SOLR 18000000 UNIT	4	SP
MATULANE	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA
HALAVEN	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4	
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
LITHIUM	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
<i>clozapine TABS</i>	1B		Quinolinone Derivatives		
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)	<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	REXULTI	3	PA
<i>loxapine succinate</i>	1B		Thioxanthenes		
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)	<i>thiothixene</i>	1B	
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Antiretrovirals		
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Phenothiazines			BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3		CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B		COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B		<i>darunavir TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B		DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B		DOVATO	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B		EDURANT	3	QL(1 ea daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1B		<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>prochlorperazine</i>	1B		<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA
GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
JULUCA	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 ea daily)
PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	3	
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)
RUKOBIA	4	PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
TYBOST	3	QL(1 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir</i> TABS	4	QL(1 ea daily); SP
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv)</i> TABS	1B	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c)</i> CAPS	1B	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c)</i> TABS 200 MG	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 200 MG	4	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir</i> CAPS	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir</i> SUSP	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir</i> TABS OR	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir</i> 125 MG, 250 MG	1B	QL(3 ea daily)
<i>famciclovir</i> 500 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl</i> 1 GM, 1000 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl</i> 500 MG	1B	QL(2 ea daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate</i> CAPS	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oseltamivir phosphate</i> SUSR	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)
RELENZA DISKHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)
<i>rimantadine hydrochloride</i> TABS	1B	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl</i> SOLN	1B	
<i>labetalol hcl</i> TABS 100 MG, 200 MG	1B	
<i>labetalol hcl</i> TABS 300 MG	1B	QL(8 ea daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl</i> CAPS	1B	
<i>atenolol</i> TABS	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate</i> TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	1B	
<i>metoprolol succinate</i> TB24 200 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol tartrate</i> SOLN IV 5 MG/5ML	1B	
<i>metoprolol tartrate</i> TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	1B	
<i>nebivolol hcl</i> 20 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>nebivolol hcl</i> 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	3	QL(1 ea daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B		<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>cefprozil TABS</i>	1B		<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B		<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B		<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
Cephalosporins - 3rd Generation			<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefdinir CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefixime CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST	LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B		NATAZIA	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B		NEXTSTELLIS	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A		<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B		<i>norethindrone acet & eth estra</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy					
Combination Contraceptives - Oral					
BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0				
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0				

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
TYBLUME CHEW	0	
Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	PA
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)
Copper Contraceptives - IUD		
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	0	
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
Progestin Contraceptives - Implants		
NEXPLANON	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	90 rtl day(s) supply; 90 rtl lmt day(s); QL(1 ml per 90 days retail)
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 days retail)
Progestin Contraceptives - IUD		
KYLEENA	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LILETTA 20.1 MCG/DAY	0	
MIRENA	0	
SKYLA	0	
Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
SLYND	0	QL(1 ea daily)
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>deflazacort TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG</i>	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
EMFLAZA SUSP	4	PA
EMFLAZA TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TBPK</i>	1B	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene GEL 0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC
<i>adapalene GEL 0.3 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	1 rti MAX fill; 30 rti day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill
<i>tavaborole</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA
Antipsoriatics		
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA	<i>amcinonide CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>amcinonide LOTN</i>	3	
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>amcinonide OINT</i>	3	
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>tazarotene CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)
TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill			
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)			
Burn Products					
<i>mafenide acetate PACK</i>	3				
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)			
SULFAMYLON CREA	3				
Corticosteroids - Topical					
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)			

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	
CORDRAN TAPE	3	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	HALOG OINT	3	PA
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
			<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
			<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
			<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>prednicarbate OINT</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone</i>	1B	PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	1 rti MAX fill; 30 rti day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA; RX/OTC
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B	
GNP TRUETRACK SMART SYSTEM STRP	2	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
KETONE STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B	
PRECISION XTRA	1B	
PTS PANELS KETONE TEST	1B	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Enzymes		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT, 61500 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>torseamide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ml daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN (<i>teriparatide (recombinant)</i>)	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide (recombinant) SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR	3	PA

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	30 rtl day(s) supply; PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS 2 MG, 5 MG, 10 MG</i>	4	SP; PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
STIMATE SOLN NA	4	SP; PA
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl</i> TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 100 MG	3	QL(3 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG	3	QL(10 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol</i>	1B	
<i>colchicine</i> TABS	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ</i> 1000 MCG/ML	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid</i> TABS	0	
Hematopoietic Growth Factors		

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
RETACRIT	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Saline Laxatives		
<i>OSMOPREP</i>	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
<i>DIFICID TABS</i>	2	

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES			MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives			Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0		KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FEMCAP DEVI	0		OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
			TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0	
Diabetic Supplies		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
PHARMACIST CHOICE ULTRA THIN LANCETS 33G	1B	QL(6.6667 ea daily); RX/OTC
SELECT LANCETS	1B	6.66/day
SELECT LANCETS	1	6.66/day
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
Parenteral Therapy Supplies		
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
TRUEPLUS PEN NEEDLES 31GX5MM	1B	QL(5 ea daily); RX/OTC
ULTIGUARD SAFEPACK/MINI PEN NEEDLE/32G X 1/4"/SHARPS CONTAIN	1B	QL(5 ea daily)
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 days retail); ST	<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Migraine Combinations			<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)	<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Products			<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B		<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)	<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)	<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
Serotonin Agonists			<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	MINERALS & ELECTROLYTES		
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	Bicarbonates		
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST			
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)			

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	1B	
Calcium		
calcium chloride (dihydrate) SOLN	1B	
Electrolyte Mixtures		
dextrose in lactated ringers	1B	
electrolyte-148	1B	
electrolyte-a	1B	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B	
ISOLYTE-S	1B	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	1B	
lactated ringer's	1B	
NORMOSOL-M/D5W	1B	
NORMOSOL-R	1B	
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	1B	
PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	1B	
potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L	1B	
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	1B	
ringer's	1B	
Fluoride		
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	0	QL(1 ea daily)
Magnesium		
magnesium sulfate IJ 50 %	1B	
Phosphate		
potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML	1B	
Potassium		
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML	1B	
potassium bicarbonate TBEF	1B	
potassium chloride microencapsulated crystals er	1B	
potassium chloride CPCR	1B	
potassium chloride PACK OR 20 MEQ	1B	PA
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1B	
Sodium		
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
Immunomodulators		
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Steroids - Mouth/Throat/Dental			NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Throat Products - Misc.			ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>cevimeline hcl</i>	1B		PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
MULTIVITAMINS			PRENATAL PLUS VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
Prenatal Vitamins			PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC			
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Muscle Relaxant Combinations		
<i>carisoprodol w/ aspirin & codeine</i>	3	PA
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP 0.2 % (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
neomycin-polymyx-dexameth OINT	1B	
neomycin-polymyx-dexameth SUSP	1B	
neomycin-polymyxin-hc (ophth)	1B	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
prednisolone acetate (ophth)	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	3	PA
tobramycin-dexamethasone SUSP	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmic Surgical Aids		
HEALON PRO SOSY	3	PA
PROVISC SOSY	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
azelastine hcl (ophth)	1B	
bepotastine besilate	3	PA
brinzolamide	1B	
bromfenac sodium (ophth) 0.09 %	1B	
cromolyn sodium (ophth)	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
diclofenac sodium (ophth)	1B	
dorzolamide hcl	1B	
epinastine hcl (ophth)	1B	
flurbiprofen sodium	1B	
ketorolac tromethamine (ophth)	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
olopatadine hcl 0.2 %	1B	RX/OTC
olopatadine hcl 0.1 %	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
bimatoprost SOLN	3	
latanoprost SOLN	1B	
tafluprost	1B	
travoprost SOLN	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
acetic acid (otic)	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
ciprofloxacin hcl (otic)	1B	
ofloxacin (otic)	1B	
Otic Combinations		
ciprofloxacin-dexamethasone	1B	PA
ciprofloxacin-fluocinolone acetamide	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN	1B	QL(2 ml daily)
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP	1B	
Otic Steroids		
fluocinolone acetonide (otic)	1B	
hydrocortisone w/acetic acid	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>naftillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
LUCEMYRA	3	QL(224 ea per 14 days retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluorocyclines		
XERAVA	4	PA
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>nizatidine SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>flavoxate hcl</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
VACCINES			AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
Bacterial Vaccines			AREXVY	0	AL(At least 60 yrs old)
ACTHIB SOLR IM	0		COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
BEXSERO	0		COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
HIBERIX SOLR IJ	0		COMIRNATY SUSP	0	
MENACTRA	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
MENQUADFI	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
MENVEO SOLR	0		FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
PEDVAX HIB SUSP	0		FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
PNEUMOVAX 23	0		FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
PNEUMOVAX 23/1 DOSE	0		FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
PREVNAR 13	0		FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
PREVNAR 20	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
TRUMENBA	0				
VAXNEUVANCE	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply			
Viral Vaccines					
ABRYSVO	0	AL(At least 60 yrs old)			
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PREHEVBRIO	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
HAVRIX	0		RECOMBIVAX HB SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 292 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill	RECOMBIVAX HB SUSY	0	
IPOL INACTIVATED IPV	0		ROTARIX SUSP	0	
M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	ROTARIX SUSR	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		ROTATEQ SOLN	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0		SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 50 yrs old)
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0		TWINRIX SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0		VAQTA	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0		VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0		VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
			Miscellaneous Vaginal Products		
			INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
			Spermicides		
			TODAY SPONGE MISC	0	
			Vaginal Anti-infectives		
			<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
			<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)	<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>metronidazole vaginal</i>	1B		<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B		<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B		<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B		VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B		Water Soluble Vitamins		
Vaginal Contraceptive - pH Modulators			<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
PHEXXI	0	PV	NIACIN TR TBCR	1B	
Vaginal Estrogens			<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B		<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
FEMRING	3	PA	<i>niacin TABS</i>	1A	
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)	<i>niacin TBCR</i>	1A	
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions					
Anaphylaxis Therapy Agents					
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)			
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)			
EPIPEN 2-PAK SOAJ (<i>epinephrine (anaphylaxis)</i>)	2				
Vasopressors					
<i>midodrine hcl</i>	1B				
VITAMINS					
Oil Soluble Vitamins					

Ambetter Formulary Updated March 1, 2024

INDEX

abacavir sulfate SOLN	29	acyclovir CAPS	31	AIRDUO DIGIHALER 232/14	9
abacavir sulfate TABS	29	acyclovir SUSP	31	AIRDUO DIGIHALER 55/14	9
abacavir sulfate-lamivudine	29	acyclovir TABS OR	31	AIRSUPRA	9
ABELCET	17	acyclovir topical CREA	39	AKYNZEO	17
abiraterone acetate 250 MG	24	acyclovir topical OINT	39	albendazole	7
abiraterone acetate 500 MG	24	ADACEL SUSP	62	albuterol sulfate AERS	9
ABRYSSVO	64	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML	9
acamprosate calcium	60	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate SYRP	9
acarbose	14	adapalene CREA	36	albuterol sulfate TABS	9
acebutolol hcl CAPS	31	adapalene GEL 0.1 %	36	alclometasone dipropionate CREA	39
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL 0.3 %	36	alclometasone dipropionate OINT	39
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	36	ALDURAZYME	44
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADCETRIS	24	ALECENSA	25
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil	30	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	43
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADEMPAS	33	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	43
acetazolamide CP12	42	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	62	alfuzosin hcl	47
acetazolamide sodium	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP	64	ALINIA SUSR	21
acetazolamide TABS 125 MG	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	64	aliskiren fumarate	20
acetazolamide TABS 250 MG	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	64	allopurinol	47
acetic acid (otic)	58	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	64	almotriptan malate 12.5 MG	52
acetic acid 0.25 %	46	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	64	almotriptan malate 6.25 MG	52
acetylcysteine SOLN	36	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	64	ALOCRIAL	58
acitretin 10 MG, 17.5 MG	38	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	64	alogliptin benzoate	15
acitretin 25 MG	38	AIMOVIG	51	alogliptin-metformin hcl	14
ACTHAR	43	AIMSCO LUBRICATED MISC	50	alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG	14
ACTHIB SOLR IM	64	AIRDUO DIGIHALER 113/14	9	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG,	
ACTIMMUNE	27				

30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amlodipine besylate TABS	32	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALOMIDE	58	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	32	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alose tron hcl	46	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	amphotericin b IV	17
alprazolam TABS 2 MG	8	amlodipine besylate-valsartan	20	amphotericin b liposome	17
alprazolam TB24	8	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	20	ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM	59
alprazolam TBDP	8	amoxapine	14	ampicillin CAPS 500 MG	59
ALREX SUSP 0.2 % (loteprednol etabonate)	57	amoxicillin & pot clavulanate CHEW	59	ampicillin sodium IJ 1 GM	59
ALTABAX	37	amoxicillin & pot clavulanate SUSR	59	anagrelide hcl	47
ALUNBRIG TABS	25	amoxicillin & pot clavulanate TABS	59	anastrozole	24
ALUNBRIG TBPk	25	amoxicillin & pot clavulanate TB12	59	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ALVESCO	9	amoxicillin CAPS	59	ANNOVERA	35
alvimopan	46	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG	59	ANORO ELLIPTA	9
amantadine hcl CAPS	28	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	59	ANZEMET TABS 50 MG	17
amantadine hcl SOLN	28	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	59	APIDRA SOLN	15
amantadine hcl TABS	28	amoxicillin TABS	59	APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
ambrisentan	33	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	63	apomorphine hydrochloride SOCT	28
amcinonide CREA	39	amphetamine sulfate TABS	1	apraclonidine hcl	57
amcinonide LOTN	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	17
amcinonide OINT	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG	1	aprepitant CAPS 80 MG	17
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2			aprepitant CAPS	17
amiloride & hydrochlorothiazide	43				
amiloride hcl TABS	43				
aminocaproic acid TABS	48				
aminophylline SOLN	10				
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML	8				
amiodarone hcl TABS	8				
amitriptyline hcl TABS	14				

aprepitant MISC	17	atazanavir sulfate CAPS 200 MG ..	29	azithromycin SUSR	49
APTIOM	11	atenolol & chlorthalidone	20	azithromycin TABS 250 MG	49
APTIVUS CAPS	29	atenolol TABS	31	azithromycin TABS 500 MG	49
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	48	ATGAM	54	azithromycin TABS 600 MG	49
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	48	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	aztreonam 1 GM	21
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	48	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	57
ARCALYST	3	atorvastatin calcium TABS	19	bacitracin	21
AREXVY	64	atovaquone	21	baclofen TABS 10 MG, 20 MG	56
arformoterol tartrate	9	atovaquone-proguanil hcl	22	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)	34
ARIKAYCE	2	atracurium besylate 100 MG/10ML 56		balsalazide disodium CAPS	46
aripiprazole SOLN OR	29	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	62	BALVERSA	25
aripiprazole TABS	29	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
armodafinil	1	ATROVENT HFA	9	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
ARMOUR THYROID TABS	62	AUSTEDO TABS	60	BARACLUDE SOLN	31
ARNUITY ELLIPTA	9	AVONEX PEN AJKT	60	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	15
arsenic trioxide 10 MG/10ML	27	AVONEX PSKT	60	BAXDELA SOLR	45
ARZERRA	24	AYVAKIT	25	BAXDELA TABS	45
ascorbic acid SOLN IJ	67	azacitidine SUSR	23	BELSOMRA	49
asenapine maleate 2.5 MG	29	AZASITE	57	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
asenapine maleate 5 MG, 10 MG ..	29	AZATHIOPRINE	54	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
aspirin CHEW	4	azathioprine TABS	54	benazepril hcl	19
aspirin TABS 325 MG	4	azelaic acid GEL	41	bendamustine hcl SOLR	23
aspirin TBEC 325 MG	4	azelastine hcl (ophth)	58	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 36	
aspirin TBEC 81 MG	4	azelastine hcl	56	benzonatate 100 MG	36
aspirin-dipyridamole	47	AZELEX	36	benzonatate 150 MG	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	29	azithromycin PACK	49	benzonatate 200 MG	36
		azithromycin SOLR	49		

benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %36	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG63	BRIVIACT TABS 11
benzoyl peroxide GEL 10 %36	bexarotene (topical)38	bromfenac sodium (ophth) 0.09 % .58
benzoyl peroxide GEL 5 % 36	bexarotene 27	bromocriptine mesylate CAPS28
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %36	BEXSERO 64	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG 28
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 36	bicalutamide 24	BRUKINSA 25
benztropine mesylate SOLN27	BIKTARVY29	budesonide (inhalation) SUSP9
benztropine mesylate TABS27	bimatoprost SOLN 58	budesonide (intrarectal) 7
bepotastine besilate58	bisacodyl SUPP49	budesonide (nasal)56
BESIVANCE57	bisacodyl TBEC49	budesonide CPEP 35
betaine 44	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..20	budesonide-formoterol fumarate dihydrate9
betamethasone dipropionate (topical) CREA39	bisoprolol fumarate 31	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...43
betamethasone dipropionate (topical) LOTN39	bleomycin sulfate 15 UNIT25	bumetanide TABS 43
betamethasone dipropionate (topical) OINT39	BOOSTRIX SUSP 62	buprenorphine hcl SOLN7
betamethasone dipropionate augmented CREA39	BOOSTRIX SUSY 62	buprenorphine hcl SUBL7
betamethasone dipropionate augmented LOTN39	bortezomib SOLR IJ 25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG6
betamethasone dipropionate augmented OINT39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 2 MG-8 MG, 3 MG-12 MG6
betamethasone valerate CREA ...39	bosentan TABS 125 MG 33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL7
betamethasone valerate FOAM ... 39	bosentan TABS 62.5 MG 33	buprenorphine PTWK 7
betamethasone valerate LOTN39	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG 25	bupropion hcl (smoking deterrent) 61
betamethasone valerate OINT39	BOSULIF TABS 400 MG 25	bupropion hcl TABS13
BETASERON KIT60	BRAFTOVI 75 MG 25	bupropion hcl TB12 100 MG13
betaxolol hcl (ophth) SOLN57	BREO ELLIPTA9	bupropion hcl TB12 150 MG13
betaxolol hcl31	BREZTRI AEROSPHERE 9	bupropion hcl TB12 200 MG13
bethanechol chloride 25 MG63	BRILINTA47	bupropion hcl TB24 150 MG13
	brimonidine tartrate (topical) 41	bupropion hcl TB24 300 MG13
	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 57	
	brimonidine tartrate-timolol maleate . 57	
	brinzolamide58	
	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML .. 11	

bupirone hcl 5 MG	8	calcitonin (salmon) NA	43	carbidopa-levodopa TBDP	28
bupirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8	calcitriol (topical)	38	carbidopa-levodopa-entacapone ..	28
busulfan SOLN	23	calcitriol CAPS	44	carbinoxamine maleate SOLN	18
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	4	calcitriol SOLN IV	44	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	46	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	23
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABs	46	carisoprodol TABS	56
butalbital-acetaminophen-caffeine TABs 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	53	carisoprodol w/ aspirin & codeine .	56
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	calcium polycarbophil TABS	49	carmustine	23
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	CALQUENCE	25	carteolol hcl (ophth)	57
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	4	candesartan cilexetil	19	carvedilol	31
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	20	carvedilol phosphate	31
butenafine hcl	37	CAPASTAT SULFATE	22	caspofungin acetate	17
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	capecitabine	23	CAYA DPRH	50
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	CAPRELSA	25	CAYSTON	21
cabergoline	45	captopril 12.5 MG	19	cefaclor CAPS	33
CABLIVI	47	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	19	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	33
CABOMETYX TABS	25	carbamazepine CHEW	11	cefadroxil CAPS	33
calcipotriene CREA	38	carbamazepine CP12 100 MG	11	cefadroxil SUSR	33
calcipotriene OINT	38	carbamazepine CP12 200 MG	11	cefadroxil TABS	33
calcipotriene SOLN	38	carbamazepine CP12 300 MG	11	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	39	carbamazepine SUSP	11	cefdinir CAPS	34
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	39	carbamazepine TABS	11	cefdinir SUSR	34
		carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	11	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	34
		carbamazepine TB12 200 MG	11	cefixime CAPS	34
		carbidopa	27	cefixime SUSR	34
		carbidopa-levodopa TABS	28	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	34
		carbidopa-levodopa TBCR	28	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34
				cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	34

cefepodoxime proxetil SUSR34	chlorpromazine hcl SOLN29	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML45
cefepodoxime proxetil TABS34	chlorpromazine hcl TABS29	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML45
cefprozil SUSR34	chlorthalidone 25 MG, 50 MG43	ciprofloxacin-dexamethasone58
cefprozil TABS34	chlorzoxazone TABS 500 MG56	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 58
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM34	CHOLBAM45	cisplatin SOLN 100 MG/100ML23
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG34	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT67	citalopram hydrobromide SOLN ...13
ceftriaxone sodium IJ 250 MG34	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT67	citalopram hydrobromide TABS 10 MG13
cefuroxime axetil TABS34	cholestyramine light PACK18	citalopram hydrobromide TABS 20 MG13
cefuroxime sodium IJ 750 MG34	cholestyramine light POWD18	citalopram hydrobromide TABS 40 MG13
celecoxib3	cholestyramine PACK18	clarithromycin SUSR49
CELONTIN (methsuximide)12	cholestyramine POWD18	clarithromycin TABS49
cephalexin CAPS33	choline fenofibrate18	clarithromycin TB2449
cephalexin SUSR33	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 44	CLASSIC PRENATAL TABS55
CERDELGA47	ciclopirox GEL37	clemastine fumarate SYRP18
CEREZYME 400 UNIT47	ciclopirox olamine CREA37	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18
cetirizine hcl TABS18	ciclopirox olamine SUSP37	CLIMARA PRO45
cevimeline hcl55	ciclopirox SHAM37	clindamycin hcl21
CHEMET16	ciclopirox SOLN37	clindamycin palmitate hydrochloride . 21
CHEMSTRIP-K STRP42	cidofovir30	clindamycin phosphate (topical) FOAM36
chloramphenicol sodium succinate 21	cilostazol47	clindamycin phosphate (topical) GEL 36
chlordiazepoxide hcl CAPS8	CIMDUO29	clindamycin phosphate (topical) LOTN37
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide62	cimetidine TABS63	clindamycin phosphate (topical) SOLN37
chlordiazepoxide-amitriptyline60	cinacalcet hcl44	
chlorhexidine gluconate (mouth- throat)54	CIPRO SUSR45	
chloroquine phosphate TABS 250 MG22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN57	
chloroquine phosphate TABS 500 MG22	ciprofloxacin hcl (otic)58	
	ciprofloxacin hcl TABS45	

clindamycin phosphate (topical) SWAB	37	clonazepam TABS	11	COMIRNATY 2023-24 SUSP	64
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	21	clonidine	19	COMIRNATY 2023-24 SUSY	64
clindamycin phosphate vaginal CREA	66	clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMIRNATY SUSP	64
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	37	clonidine hcl TABS	19	COMPLERA	29
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	37	clopidogrel bisulfate 300 MG	47	CONTRACE	1
clindamycin phosphate-tretinoin ..	37	clopidogrel bisulfate 75 MG	47	COPIKTRA	25
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 56		clorazepate dipotassium TABS	8	CORDRAN TAPE	40
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	56	clotrimazole (topical) CREA	37	CORLANOR SOLN	33
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 56		clotrimazole (topical) SOLN	37	CORLANOR TABS	33
clobazam SUSP	11	clotrimazole	54	CORTISPORIN-TC	58
clobazam TABS	11	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	66	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	38
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 40		clotrimazole w/ betamethasone CREA	37	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	39
clobetasol propionate emollient base 0.05 %	40	clotrimazole w/ betamethasone LOTN	37	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	39
clobetasol propionate FOAM	40	clozapine TABS	29	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	38
clobetasol propionate GEL 0.05 %	40	clozapine TBDP 100 MG	29	CREON CPEP	42
clobetasol propionate OINT 0.05 % 40		clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 29		CRESEMBA CAPS 186 MG	17
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 40		clozapine TBDP 25 MG	29	cromolyn sodium (ophth)	58
clocortolone pivalate	40	COARTEM	22	cromolyn sodium NEBU	9
clofarabine	23	codeine sulfate TABS 30 MG	5	crotamiton LOTN	41
clomiphene citrate TABS	44	CODEINE SULFATE TABS	5	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	55
clomipramine hcl	14	colchicine TABS	47	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	47
		colchicine w/ probenecid	47	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	56
		colesevelam hcl PACK	18	cyclophosphamide CAPS	23
		colesevelam hcl TABS	18	cyclophosphamide SOLR IJ	23
		colestipol hcl GRAN	18	cycloserine	22
		colestipol hcl PACK	18	cyclosporine (ophth) EMUL	57
		colestipol hcl TABS	18		
		COMETRIQ KIT	25		

cyclosporine CAPS	54	darunavir TABS	29	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	34
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	54	DAURISMO	24	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	34
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	54	DEBACTEROL	54	desonide CREA	40
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	54	decitabine	23	desonide LOTN	40
CYLTEZO AJKT	3	deferasirox PACK	16	desonide OINT	40
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	3	deferasirox TABS	16	desoximetasone CREA 0.25 %	40
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3	deferasirox TBSO	16	desoximetasone GEL	40
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	3	deferiprone TABS 500 MG	16	desoximetasone OINT 0.25 %	40
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3	deflazacort TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG	35	desvenlafaxine succinate 100 MG .	14
cyproheptadine hcl SYRP	18	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	45	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG	14
cyproheptadine hcl TABS	18	DELSTRIGO	29	dexamethasone ELIX	35
CYSTAGON CAPS	46	demeclocycline hcl TABS	61	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	35
CYSTARAN	58	DEPO-ESTRADIOL	45	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	57
cytarabine SOLN	23	DEPO-MEDROL SUSP	35	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG	11	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	35	dexamethasone SOLN	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11	11	desipramine hcl TABS	14	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	35
dacarbazine SOLR 200 MG	27	desloratadine TABS	18	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	35
dactinomycin	25	desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	18
dalfampridine	60	desmopressin acetate SOLN IJ ...	44	dexlansoprazole	63
danazol CAPS	7	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	44	dexmethylphenidate hcl CP24	1
dantrolene sodium CAPS	56	desmopressin acetate spray	44	dexmethylphenidate hcl TABS	1
dapsone	21	desmopressin acetate spray refrigerated	44	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1
DAPTACEL	62	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 45	45	dextroamphetamine sulfate CP24 5	
daptomycin 500 MG	21	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 45	45		
darifenacin hydrobromide	63	desogestrel & ethinyl estradiol	34		

MG	1	diflorasone diacetate OINT	40	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG	18
dextroamphetamine sulfate TABS 5		diflunisal TABS	5	diphenhydramine hcl ELIX 12.5	
MG, 10 MG	1	difluprednate	57	MG/5ML	18
dextrose in lactated ringers	53	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML ...	32	diphenhydramine hcl LIQD 12.5	
DIACOMIT CAPS 250 MG	11	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG,		MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML	
DIACOMIT CAPS 500 MG	11	0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250		18
DIACOMIT PACK 250 MG	11	MCG	32	diphenhydramine hcl SOLN 50	
DIACOMIT PACK 500 MG	11	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ		MG/ML	18
diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11	1 MG/ML	52	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16
diazepam CONC	8	dihydroergotamine mesylate SOLN		diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16
diazepam SOLN OR 5 MG/5ML	8	NA 4 MG/ML	52	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS	
diazepam TABS	8	DILANTIN (phenytoin sodium		ADSORBED PEDIATRIC SUSP ...	62
diazoxide	15	extended)	12	dipyridamole	47
dichlorphenamide	42	DILANTIN	12	disopyramide phosphate CAPS	8
diclofenac epolamine PTCH EX ...	38	DILANTIN INFATABS CHEW		disulfiram	60
diclofenac potassium TABS 50 MG .3		(phenytoin)	12	DIURIL SUSP	43
diclofenac sodium (actinic keratoses)		DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	12	divalproex sodium TB24	12
EX	38	diltiazem hcl coated beads CP24	120	divalproex sodium TBEC	12
diclofenac sodium (ophth)	58	MG, 300 MG, 360 MG	32	docetaxel CONC 20 MG/ML	27
diclofenac sodium (topical) GEL EX		diltiazem hcl coated beads CP24	180	docetaxel SOLN 20 MG/2ML	27
38		MG, 240 MG	32	docusate calcium	49
diclofenac sodium TB24	3	diltiazem hcl CP12	32	docusate sodium CAPS 100 MG ..	49
diclofenac sodium TBEC	3	diltiazem hcl CP24	32	docusate sodium CAPS 250 MG ..	49
diclofenac w/ misoprostol TBEC	3	diltiazem hcl extended release beads		dofetilide	8
dicloxacillin sodium	59	120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG,		donepezil hydrochloride TABS 10	
dicyclomine hcl CAPS	62	360 MG	32	MG	60
dicyclomine hcl SOLN OR	62	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML .	32	donepezil hydrochloride TABS 5 MG .	60
dicyclomine hcl TABS	62	DILTIAZEM HCL SOLR	32	60	
DIFFERIN LOTN	37	diltiazem hcl TABS	32	donepezil hydrochloride TBDP 10	
DIFICID TABS	49	diltiazem hcl TB24	32	MG	60
diflorasone diacetate CREA	40	dimethyl fumarate CDPK	60	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG	
		dimethyl fumarate CPDR	60	60	
		DIPENTUM	46		

DOPTELET	48	DROXIA CAPS	47	ELLA	35
dorzolamide hcl	58	DUAVEE	45	ELMIRON CAPS	46
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	57	DULERA	9	EMCYT	24
DOVATO	29	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	14	EMFLAZA SUSP	35
doxazosin mesylate	19	duloxetine hcl CPEP 40 MG	14	EMFLAZA TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG (deflazacort)	35
doxepin hcl (antipruritic)	38	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	50	EMGALITY SOAJ	52
doxepin hcl (sleep)	48	dutasteride	47	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	52
doxepin hcl CAPS	14	dutasteride-tamsulosin hcl	47	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	52
doxepin hcl CONC	14	econazole nitrate CREA	38	EMSAM	13
doxercalciferol CAPS	44	EDARBI	19	emtricitabine CAPS	30
doxercalciferol SOLN	44	EDURANT	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	30
doxorubicin hcl liposomal	25	efavirenz CAPS 200 MG	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30
doxorubicin hcl SOLN	25	efavirenz CAPS 50 MG	29	EMTRIVA SOLN	30
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25	efavirenz TABS	30	EMVERM CHEW	7
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	61	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	29	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	62	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	29	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	62	EGRIFTA 2 MG	44	enalapril maleate TABS	19
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG	62	EGRIFTA SV	44	ENBREL MINI SOCT	4
doxycycline hyclate CAPS	62	ELAPRASE	44	ENBREL SOLN	4
doxycycline hyclate SOLR	62	electrolyte-148	53	ENBREL SOLR	4
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	62	electrolyte-a	53	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4
doxylamine-pyridoxine TBEC	17	ELESTRIN GEL	45	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4
dronabinol CAPS	17	eletriptan hydrobromide	52	ENBREL SURECLICK SOAJ	4
drospirenone-ethinyl estradiol	34	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	24	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	64
drospirenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	34	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	24	ENGERIX-B SUSY	64
		ELIQUIS STARTER PACK TBPK .	10		
		ELIQUIS TABS	10		

enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10	ERAXIS	17	esomeprazole magnesium TBEC ..	63
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	10	ERBITUX	24	estazolam	48
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	10	ergocalciferol CAPS	67	estradiol GEL	45
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	10	ergocalciferol SOLN OR	67	estradiol PTTW	45
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	10	ergoloid mesylates TABS	61	estradiol PTWK	45
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	10	ERGOMAR SUBL	52	estradiol TABS	45
ENSPRYNG	54	ergotamine w/ caffeine TABS	52	estradiol vaginal CREA	67
entacapone	27	ERIVEDGE	24	estradiol vaginal TABS	67
entecavir TABS	31	ERLEADA 240 MG	24	estradiol valerate	45
EPIDIOLEX	11	ERLEADA 60 MG	24	ESTROGEL GEL	45
epinastine hcl (ophth)	58	erlotinib hcl	24	eszopiclone	48
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	67	ERTACZO	38	ethacrynic acid	43
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	67	ertapenem sodium IJ	21	ethambutol hcl TABS	22
EPIPEN 2-PAK SOAJ (epinephrine (anaphylaxis))	67	erythromycin (acne aid) PADS	37	ethosuximide CAPS	12
EPIVIR HBV SOLN	31	erythromycin (acne aid) SOLN	37	ethosuximide SOLN	12
eplerenone	21	erythromycin (ophth)	57	ethynodiol diacet & eth estrad	34
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	48	erythromycin base CPEP	49	etodolac CAPS	3
epoprostenol sodium	33	erythromycin base TABS	49	etodolac TABS	3
EQL PRENATAL FORMULA TABS 55	55	erythromycin base TBEC	49	etonogestrel-ethinyl estradiol	35
EQUETRO 100 MG	28	erythromycin ethylsuccinate SUSR 49	49	ETOPOPHOS	27
EQUETRO 200 MG	28	erythromycin ethylsuccinate TABS 49	49	etoposide CAPS	27
EQUETRO 300 MG	28	escitalopram oxalate SOLN	13	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	27
		escitalopram oxalate TABS 10 MG 13	13	etravirine 100 MG	30
		escitalopram oxalate TABS 20 MG 13	13	etravirine 200 MG	30
		escitalopram oxalate TABS 5 MG . 13	13	EUCRISA	41
		esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	63	EVAMIST SOLN	45
		esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	63	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	54
				everolimus TABS	25
				EVOTAZ	30

exemestane	24	fenoprofen calcium TABS	4	2024 SUSY	64
ezetimibe	19	FENSOLVI SC	44	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	65
ezetimibe-simvastatin	18	fentanyl citrate LPOP	5	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	65
famciclovir 125 MG, 250 MG	31	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	65
famciclovir 500 MG	31	ferrous fumarate-folic acid	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	65
famotidine in nacl SOLN	63	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65
famotidine SOLN 20 MG/2ML	63	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	65
famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	63	ferrous sulfate TBEC 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65
famotidine SUSR	63	fesoterodine fumarate	63	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65
famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	63	FETZIMA CP24	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65
FANAPT	28	FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
FANAPT TITRATION PACK	28	finasteride	47	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
FANTASY LUBRICATED MISC ...	50	fingolimod hcl	60	fluconazole SUSR	17
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 50	50	FIRDAPSE	22	fluconazole TABS	17
FARXIGA	16	FIRMAGON	24	flucytosine	17
FASENRA PEN SOAJ	8	flavoxate hcl	64	fludarabine phosphate SOLN	23
FASENRA SOSY	8	flecainide acetate	8	fludarabine phosphate SOLR	23
FC2 FEMALE CONDOM	50	floxuridine	23	fludrocortisone acetate TABS	36
febuxostat	47	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65
felbamate SUSP	12	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65
felbamate TABS 400 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
felbamate TABS 600 MG	12	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	64	FLUMIST QUADRIVALENT	65
felodipine	32	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	64	flunisolide (nasal) 0.025 %	56
FEMCAP DEVI	50	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-		fluocinolone acetonide (otic)	58
FEMRING	67				
fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	19				
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19				

fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 40	flurbiprofen sodium58	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY65
fluocinolone acetonide CREA 0.025 %40	flurbiprofen TABS4	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP65
fluocinolone acetonide OIL40	flutamide24	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY66
fluocinolone acetonide OINT40	fluticasone furoate-vilanterol9	FML FORTE SUSP57
fluocinolone acetonide SOLN40	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 56	FML OINT57
fluocinonide CREA 0.05 %40	fluticasone propionate CREA 0.05 % 40	folic acid TABS47
fluocinonide emulsified base40	fluticasone propionate hfa 110 MCG/ACT, 220 MCG/ACT9	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 10
fluocinonide GEL40	fluticasone propionate hfa 44 MCG/ACT9	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 10
fluocinonide OINT40	fluticasone propionate LOTN40	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .10
fluocinonide SOLN40	fluticasone propionate OINT40	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 10
fluorometholone (ophth) SUSP57	fluticasone-salmeterol AEPB9	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS42
fluorouracil (topical) CREA 5 %38	fluticasone-salmeterol AERO9	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..42
fluorouracil (topical) SOLN38	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19	formoterol fumarate NEBU10
fluorouracil 500 MG/10ML23	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19	FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))43
fluoxetine hcl CAPS 10 MG13	fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 13	FOSAMAX PLUS D43
fluoxetine hcl CAPS 20 MG13	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021- 202265	fosamprenavir calcium TABS30
fluoxetine hcl CAPS 40 MG13	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022- 202365	fosfomycin tromethamine22
fluoxetine hcl CPDR13	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023- 202465	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide20
fluoxetine hcl SOLN13	FLUZONE QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP65	fosinopril sodium19
fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 13	FLUZONE QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY65	fosphenytoin sodium12
fluoxetine hcl TABS 20 MG13	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP65	FRAGMIN SOSY10
fluphenazine hcl CONC29	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM51
fluphenazine hcl ELIX29		
fluphenazine hcl SOLN29		
fluphenazine hcl TABS29		
flurandrenolide CREA40		
flurandrenolide LOTN40		
flurazepam hcl48		

FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	51	galantamine hydrobromide SOLN .	60	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51	galantamine hydrobromide TABS .	60	GENVOYA	30
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51	GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML 59		GILOTRIF	24
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51	GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	59	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML .	60
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51	GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	59	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML .	60
FROVATRIPTAN SUCCINATE	52	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	59	GLEOSTINE 10 MG	23
FULVESTRANT SOSY	24	GAMMAKED 1 GM/10ML	59	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	23
FUROSEMIDE SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	43	GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	59	glimepiride 1 MG, 2 MG	16
FUROSEMIDE TABS	43	GAMUNEX-C 1 GM/10ML	59	glimepiride 4 MG	16
FUZEON SOLR	30	GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	59	glipizide TABS 5 MG, 10 MG	16
FYCOMPA TABS 2 MG	11	GANCICLOVIR SODIUM SOLR	30	glipizide TB24	16
FYCOMPA TABS 4 MG	11	GANIRELIX ACETATE	44	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	14
FYCOMPA TABS 6 MG	11	GARDASIL 9 SUSP	66	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	14
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11	GARDASIL 9 SUSY	66	GLUCAGEN DIAGNOSTIC	42
GABAPENTIN CAPS	11	GATIFLOXACIN (OPHTH)	57	glucagon (rdna)	15
GABAPENTIN SOLN	11	GEFITINIB	24	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	16
GABAPENTIN TABS 600 MG, 800 MG 11		GEMCITABINE HCL SOLR 2 GM, 200 MG	23	glyburide TABS	16
GALAFOLD	44	GEMFIBROZIL TABS	19	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	14
GALANTAMINE HYDROBROMIDE CP24 ..	60	GENTAMICIN IN SALINE 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	14
		GENTAMICIN SULFATE (OPHTH) OINT ..	57	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	46
		GENTAMICIN SULFATE (OPHTH) SOLN ..	57	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML	62
		GENTAMICIN SULFATE (TOPICAL) CREA .	37	glycopyrrolate TABS 1 MG	62
		GENTAMICIN SULFATE (TOPICAL) OINT ..	37	glycopyrrolate TABS 2 MG	62
				GLYXAMBI	14

GNP PRENATAL TABS	55	20000 UNIT/ML	10	108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6
GNP TRUETRACK SMART SYSTEM STRP	42	HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 10		hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	42	HEPLISAV-B SOSY	66	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17	HIBERIX SOLR IJ	64	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	6
granisetron hcl TABS	17	HUMATROPE CART IJ	44	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	6
GRASTEK SUBL	2	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	80 3	hydrocortisone (intrarectal)	7
griseofulvin microsize SUSP	17	HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	3	hydrocortisone (rectal) EX	7
griseofulvin microsize TABS	17	HUMIRA PEN PNKT	3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	40
griseofulvin ultramicrosize	17	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	3 3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 40	
guanfacine hcl (adhd)	1	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	3 3	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	40
guanfacine hcl	19	HUMIRA PSKT	3	hydrocortisone acetate (rectal)	7
GYNAZOLE-1	67	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	15	hydrocortisone butyrate CREA	40
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	3	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	15	hydrocortisone butyrate OINT	40
HADLIMA SOSY	3	HYCAMTIN CAPS	27	hydrocortisone butyrate SOLN	40
HAEGARDA SOLR SC	47	hydralazine hcl SOLN	21	hydrocortisone TABS	35
HALAVEN	27	hydralazine hcl TABS	21	hydrocortisone valerate CREA	40
halcinonide CREA	40	hydrochlorothiazide CAPS	43	hydrocortisone valerate OINT	40
halobetasol propionate CREA	40	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 43		hydrocortisone w/acetic acid	58
halobetasol propionate OINT	40	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	43	hydromorphone hcl LIQD	5
HALOG OINT	40	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER	.36	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	5
haloperidol decanoate	28	hydrocodone-acetaminophen SOLN		hydromorphone hcl TABS	5
haloperidol lactate CONC	28				
haloperidol lactate SOLN	28				
haloperidol TABS	28				
HAVRIX	66				
HEALON PRO SOSY	58				
HEMANGEOL SOLN OR	31				
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML,					

hydromorphone hcl TB24 32 MG ... 5	IMBRUVICA SUSP 26	INSULIN DEGLUDEC SOLN 16
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG 5	IMBRUVICA TABS 26	INTELENCE 25 MG 30
hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	imipenem-cilastatin IV 21	INTRAROSA 66
hydroxyurea 27	imipramine hcl TABS 14	INTRON A SOLR 18000000 UNIT 27
hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML .. 8	imipramine pamoate 14	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ... 53
hydroxyzine hcl SYRP 8	imiquimod 5 % 41	IOPIDINE 57
hydroxyzine hcl TABS 8	IMPAVIDO 21	IPOL INACTIVATED IPV 66
hydroxyzine pamoate CAPS 8	INCRELEX 44	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 56
HYPERSAL NEBU 36	INCRUSE ELLIPTA 9	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 56
HYQVIA 59	indapamide TABS 1.25 MG 43	ipratropium bromide SOLN 0.02 % . 9
ibandronate sodium SOLN 43	indapamide TABS 2.5 MG 43	ipratropium-albuterol SOLN 10
ibandronate sodium TABS 43	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4	irbesartan 19
IBRANCE CAPS 25	indomethacin CPCR 4	irbesartan-hydrochlorothiazide 20
IBRANCE TABS 26	INFANRIX 62	IRESSA (gefitinib) 24
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML 4	INFLECTRA 46	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML 27
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG .. 4	INGREZZA CAPS 60	irrigation solutions, physiological .. 54
ibuprofen TABS 800 MG 4	INGREZZA CPPK 60	ISENTRESS CHEW 30
icatibant acetate SOLN 47	INLYTA 23	ISENTRESS HD TABS 30
icatibant acetate SOSY 47	INREBIC 26	ISENTRESS TABS 30
ICLUSIG 26	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 15	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5% 53
icosapent ethyl 1 GM 18	INSULIN ASPART PENFILL SOCT 15	ISOLYTE-S 53
idarubicin hcl 20 MG/20ML 25	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN 16	isoniazid SOLN 22
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 25	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP 16	isoniazid SYRP 22
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML 23	INSULIN ASPART SOLN IJ 16	isoniazid TABS 22
ifosfamide SOLR 23	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN 16	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG 7
imatinib mesylate 26		isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 32
IMBRUVICA CAPS 140 MG 26		isosorbide mononitrate TABS 7
IMBRUVICA CAPS 70 MG 26		

isosorbide mononitrate TB24	7	ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG ...	4	KISQALI FEMARA 600 DOSE	25
isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	37	ketorolac tromethamine (ophth) ...	58	KLARITY-A	57
isradipine CAPS	32	ketorolac tromethamine TABS	4	KOSELUGO	26
itraconazole CAPS	17	KETOSTIX STRP	42	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	55
itraconazole SOLN	17	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 58		KRINTAFEL	22
ivermectin (pediculicide)	41	KEVZARA SOAJ	3	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	50
ivermectin	7	KEVZARA SOSY	3	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	50
IXEMPRA KIT 15 MG	27	KIMONO COLORS DEVI	50	KYLEENA	35
JAKAFI	26	KIMONO LUBRICATED MISC	50	KYPROLIS	26
JANUMET TABS	15	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	50	labetalol hcl SOLN	31
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 31	
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	50	labetalol hcl TABS 300 MG	31
JANUVIA	15	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50		lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML . 11	
JARDIANCE	16	KIMONO PS LUBRICATED MISC .	50	lacosamide TABS	11
JEVTANA	27	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50		lactated ringer's (irrigation)	54
JULUCA	30	KIMONO PS LUBRICATED MISC .	50	lactated ringer's	53
KALYDECO TABS	61	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50		lactic acid (ammonium lactate) CREA	41
KAMELEON LUBRICATED MISC .	50	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	50	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	41
KANJINTI	24	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50		lactulose (encephalopathy)	46
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	53	KIMONO SPECIAL DEVI	50	lactulose SOLN	49
KEPIVANCE 6.25 MG	27	KINRIX SUSY	62	lamivudine (hbv) TABS	31
KESIMPTA	60	KISQALI	26	lamivudine SOLN	30
ketoconazole (topical) CREA	38	KISQALI FEMARA 200 DOSE ...	25	lamivudine TABS 150 MG	30
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	38	KISQALI FEMARA 400 DOSE ...	25	lamivudine TABS 300 MG	30
ketoconazole	17			lamivudine-zidovudine	30
KETONE STRP	42			lamotrigine CHEW 25 MG	11
KETONE TEST STRIPS STRP ...	42				

lamotrigine CHEW 5 MG11	levobunolol hcl 0.5 % 57	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 34
lamotrigine TABS 11	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18	levorphanol tartrate TABS 2 MG5
lamotrigine TBDP 11	levocetirizine dihydrochloride TABS 18	levothyroxine sodium TABS 62
LANOXIN SOLN IJ (digoxin)32	levofloxacin (ophth) 0.5 % 57	LEXIVA SUSP 30
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)32	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML 45	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %49
lansoprazole CPDR 15 MG63	levofloxacin SOLN OR45	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...54
lansoprazole CPDR 30 MG63	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 45	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...54
lanthanum carbonate CHEW 46	levofloxacin TABS 500 MG 45	lidocaine hcl GEL 2 % 41
lapatinib ditosylate26	levonorgestrel & eth estradiol TABS 34	lidocaine hcl PRSY 41
LASTACRAFT58	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG 35	lidocaine hcl SOLN 41
latanoprost SOLN58	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)34	lidocaine PTCH 5 % 41
leflunomide4	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG 34	lidocaine-prilocaine CREA41
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG 54	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) 34	LILETTA 20.1 MCG/DAY 35
lenalidomide 20 MG54		lincomycin hcl 21
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ...23		linezolid SUSR21
LENVIMA 12MG DAILY DOSE ...23		linezolid TABS 21
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ..23		LINZESS 46
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ..23		liothyronine sodium SOLN62
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ..23		liothyronine sodium TABS 62
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ...23		lisdexamphetamine dimesylate CAPS 1
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE23		lisinopril & hydrochlorothiazide20
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE24		lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 19
letrozole 24		LITHIUM28
leucovorin calcium SOLR27		lithium carbonate CAPS 28
leucovorin calcium TABS 27		lithium carbonate TABS28
LEUKERAN 23		lithium carbonate TBCR 28
LEUKINE SOLR IJ48		LO LOESTRIN FE TABS 34
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML24		LOKELMA54

loperamide hcl CAPS	16	24	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	35
lopinavir-ritonavir SOLN	30	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	24	medroxyprogesterone acetate 10 MG
lopinavir-ritonavir TABS	30	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	24	59
loratadine CAPS	18	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) .	44	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG
loratadine CHEW	18	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)	11.25 MG	44
loratadine SOLN	18	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)	30 MG	44
loratadine TABS	18	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	28	mefenamic acid CAPS
loratadine TBDP	18	lurasidone hcl 80 MG	28	mefloquine hcl
lorazepam CONC	8	LYNPARZA TABS	26	megestrol acetate (appetite)
lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8	LYSODREN	24	megestrol acetate SUSP
lorazepam TABS 1 MG	8	mafenide acetate PACK	39	megestrol acetate TABS
LORBRENA	26	magnesium sulfate IJ 50 %	53	MEKINIST SOLR
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20	malathion	41	MEKINIST TABS 0.5 MG
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG .	20	maraviroc TABS 150 MG	30	MEKINIST TABS 2 MG
losartan potassium	19	maraviroc TABS 300 MG	30	MEKTOVI
LOTEMAX OINT	57	MARPLAN	13	meloxicam TABS
loteprednol etabonate GEL	57	MASONATAL TABS	55	melphalan
loteprednol etabonate SUSP	57	MATULANE	27	melphalan hcl
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19	MAXIDEX SUSP OP	58	memantine hcl TABS
lovastatin TABS 40 MG	19	MAXX LUBRICATED MISC	50	MENACTRA
loxapine succinate	29	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	50	MENEST
lubiprostone	46	meclizine hcl TABS 12.5 MG	17	MENOSTAR PTWK
LUCEMYRA	60	meclizine hcl TABS 25 MG	17	MENQUADFI
luliconazole	38	meclofenamate sodium CAPS	4	MENVEO SOLR
LUMIZYME	44	MEDROL TABS	35	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	24	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	35	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM				meperidine hcl TABS 50 MG
				meprobamate
				mercaptopurine TABS
				meropenem

mesalamine CP24	46	MG/2ML, 250 MG/10ML	23	MG/ML	46
mesalamine CPDR	46	methotrexate sodium SOLR	23	metoclopramide hcl SOLN OR 5	
mesalamine ENEM	46	methotrexate sodium TABS 2.5 MG		MG/5ML, 10 MG/10ML	46
mesalamine SUPP	46	23		metoclopramide hcl TABS	46
mesalamine TBEC 1.2 GM	46	methoxsalen rapid	39	metolazone	43
mesalamine TBEC 800 MG	46	methscopolamine bromide	62	metoprolol & hydrochlorothiazide	
metaxalone 800 MG	56	methsuximide	12	TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100	
metformin hcl TABS 1000 MG	15	methyldopa TABS	20	MG	20
metformin hcl TABS 500 MG	15	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40		metoprolol & hydrochlorothiazide	
metformin hcl TABS 850 MG	15	MG	2	TABS 25 MG-50 MG	20
metformin hcl TB24 500 MG	15	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	2	metoprolol succinate TB24 200 MG	
metformin hcl TB24 750 MG	15	methylphenidate hcl CP24	2	31	
methadone hcl CONC	5	methylphenidate hcl CP24	2	metoprolol succinate TB24 25 MG,	
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5		methylphenidate hcl CPR	2	50 MG, 100 MG	31
METHADONE HCL SOLN IJ	5	methylphenidate hcl SOLN	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5	
methadone hcl SOLN OR 10		methylphenidate hcl TABS 10 MG,		MG/5ML	31
MG/5ML	5	20 MG	2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50	
methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML		methylphenidate hcl TABS 5 MG ...	2	MG, 100 MG	31
5		methylphenidate hcl TB24 27 MG ..	2	metronidazole (topical) CREA	41
methadone hcl TABS 10 MG	5	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54		metronidazole (topical) GEL 0.75 %	
methadone hcl TABS 5 MG	5	MG	2	41	
methadone hcl TBSO	5	methylphenidate hcl TBCR 10 MG,		metronidazole (topical) GEL 1 % ..	41
methamphetamine hcl	1	20 MG	2	metronidazole (topical) LOTN	41
methazolamide TABS	42	methylphenidate hcl TBCR 18 MG,		metronidazole TABS	21
methenamine hippurate	22	27 MG	2	metronidazole vaginal	67
methimazole TABS	62	methylphenidate hcl TBCR 36 MG,		mexiletine hcl	8
METHITEST TABS	7	54 MG	2	micafungin sodium	17
methocarbamol TABS 500 MG, 750		methylphenidate PTCH	2	miconazole nitrate vaginal SUPP 200	
MG	56	methylprednisolone acetate SUSP 35		MG	67
METHOTREXATE	3	methylprednisolone sod succ 40 MG,		midodrine hcl	67
methotrexate sodium SOLN 50		125 MG, 500 MG, 1000 MG	35	miglitol	14
		methylprednisolone TABS	35	miglustat	47
		methylprednisolone TBPk	36	minocycline hcl CAPS	62
		metoclopramide hcl SOLN IJ 5			

minocycline hcl TABS	62	mometasone furoate OINT	41	nabumetone	4
minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21	mometasone furoate SOLN	41	nadolol TABS 20 MG	32
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	48	montelukast sodium CHEW	9	nadolol TABS 40 MG	32
MIRENA	35	montelukast sodium PACK	9	nadolol TABS 80 MG	32
mirtazapine TABS 15 MG	13	montelukast sodium TABS	9	nafcillin sodium IV 10 GM	59
mirtazapine TABS 30 MG	13	morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 5		naftifine hcl CREA 1 %	38
mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	5	naftifine hcl CREA 2 %	38
mirtazapine TBDP 15 MG	13	morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML	5	NAGLAZYME	44
mirtazapine TBDP 30 MG	13	morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML	5	nalbuphine hcl	7
mirtazapine TBDP 45 MG	13	morphine sulfate TABS	5	naloxone hcl LIQD	16
misoprostol	63	morphine sulfate TBCR	5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	16
mitomycin SOLR IV 20 MG	25	MOTOFEN	16	naltrexone hcl	16
mitoxantrone hcl 2 MG/ML	25	MOVANTIK	46	naproxen sodium TABS 550 MG ...	4
M-M-R II SOLR	66	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	57	naproxen SUSP	4
M-NATAL PLUS TABS	55	moxifloxacin hcl in sodium chloride 45		naproxen TABS	4
modafinil 100 MG	2	moxifloxacin hcl TABS	45	naproxen TBEC 500 MG	4
modafinil 200 MG	2	MOZOBIL (plerixafor)	48	naratriptan hcl	52
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	66	MULPLETA	48	NATACYN	57
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP . 66		MULTI PRENATAL TABS	55	NATAZIA	34
MODERNA COVID-19 VACCINE6- 11Y SUSP	66	mupirocin OINT	37	nateglinide	16
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	66	MVASI	24	NAYZILAM	11
moexipril hcl	19	MYALEPT	44	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 31	
mometasone furoate (nasal) SUSP 56		mycophenolate mofetil CAPS	54	nebivolol hcl 20 MG	31
mometasone furoate CREA	40	mycophenolate mofetil TABS	54	NEBUSAL NEBU	36
		mycophenolate sodium	54	nefazodone hcl	14
		MYLERAN TABS	23	nelarabine	23
				neomycin sulfate TABS	2
				neomycin-bacitracin zn-polymyxin	57
				neomycin-polymy-dexameth OINT	58

neomycin-polymy-dexameth SUSP 58	niacinamide TABS 100 MG 67	nitroglycerin CPR 8
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ... 58	niacinamide TABS 500 MG 67	nitroglycerin PT24 8
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 58	nicardipine hcl CAPS 32	NITROGLYCERIN SOLN IV 8
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 58	nicardipine hcl SOLN 32	nitroglycerin SUBL 8
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG 55	nicotine MISC XX 61	NIVA-PLUS TABS 55
NEONATAL PLUS TABS 55	nicotine polacrilex GUM 61	nizatidine CAPS 63
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS 55	nicotine polacrilex LOZG 61	nizatidine SOLN 63
NEONATAL VITAMIN TABS 55	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR 61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML 44
neostigmine methylsulfate SOSY .. 22	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT 61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML 44
NEO-SYNALAR 37	NICOTROL INHALER INHA 61	norelgestromin-ethinyl estradiol ... 35
NEUPRO 28	NICOTROL NS SOLN 61	norethin acet & estrad-fe CAPS ... 34
NEVANAC 58	nifedipine CAPS 10 MG 32	norethin acet & estrad-fe CHEW .. 34
nevirapine SUSP 30	nifedipine CAPS 20 MG 32	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG 34
nevirapine TABS 30	nifedipine TB24 60 MG 32	norethindrone & eth estradiol 34
nevirapine TB24 100 MG 30	nifedipine TB24 90 MG 32	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 34
nevirapine TB24 400 MG 30	nifedipine TB24 32	norethindrone (contraceptive) 35
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium) 63	nilutamide 24	norethindrone acet & eth estra ... 34
NEXPLANON 35	nimodipine CAPS 32	norethindrone acetate TABS 59
NEXTSTELLIS 34	NINLARO 26	norethindrone acetate-ethinyl estradiol 45
niacin (antihyperlipidemic) TBCR .. 19	NIPENT 27	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe 34
niacin CPR 250 MG, 500 MG 67	nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG 32	norethindrone-eth estradiol (triphasic) 34
niacin TABS 67	nitazoxanide TABS 21	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic) 35
niacin TBCR 67	nitro-BID OINT 7	norgestimate-ethinyl estradiol 35
NIACIN TR TBCR 67	nitrofurantoin 22	
	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG 22	
	nitrofurantoin monohyd macro 22	

norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	35	NULOJIX	54	omega-3-acid ethyl esters	18
NORMOSOL-M/D5W	53	nystatin (mouth-throat)	54	omeprazole CPDR	63
NORMOSOL-R	53	nystatin (topical) CREA	38	omeprazole magnesium CPDR	63
nortriptyline hcl CAPS	14	nystatin (topical) OINT	38	omeprazole TBEC	63
nortriptyline hcl SOLN	14	nystatin (topical) POWD EX	38	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	63
NORVIR PACK	30	nystatin TABS	17	OMNIFLEX DIAPHRAGM	50
NORVIR SOLN	30	nystatin-triamcinolone CREA	38	ONCASPAR	27
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	42	nystatin-triamcinolone OINT	38	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML	17
NOVAREL IM 10000 UNIT	44	octreotide acetate SOLN	45	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	17
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	ODEFSEY	30	ondansetron hcl SOSY	17
NOVOLIN 70/30 SUSP	16	ODOMZO	24	ondansetron hcl TABS 24 MG	17
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16	OFEV	61	ondansetron hcl TABS 4 MG	17
NOVOLIN N SUSP	16	ofloxacin (ophth)	57	ondansetron hcl TABS 8 MG	17
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	16	ofloxacin (otic)	58	ondansetron TBDP 4 MG	17
NOVOLIN R SOLN IJ	16	ofloxacin 300 MG, 400 MG	45	ondansetron TBDP 8 MG	17
NOXAFIL SUSP (posaconazole)	17	OGIVRI	24	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	55
NP THYROID 120 TABS	62	olanzapine SOLR	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	55
NP THYROID 15 TABS	62	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG	29	OPSUMIT	33
NP THYROID 30 TABS	62	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	29	ORENITRAM TBCR	33
NP THYROID 60 TABS	62	olanzapine TBDP 20 MG	29	ORLISSA	44
NP THYROID 90 TABS	62	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	61
NUBEQA	24	olmesartan medoxomil	19	ORKAMBI TABS	61
NUCALA SOAJ	8	olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide	20	ORLADEYO	47
NUCALA SOLR	8	olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide	20	orphenadrine citrate TB12	56
NUCALA SOSY 100 MG/ML	8	olopatadine hcl (nasal)	56	oseltamivir phosphate CAPS	31
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	8	olopatadine hcl 0.1 %	58	oseltamivir phosphate SUSR	31
NUCYNTA ER TB12	5	olopatadine hcl 0.2 %	58		
NUCYNTA TABS	5				
NUEDEXTA	61				

OSMOPREP	49	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	27	PASER PACK	22
OSPHENA	44	paclitaxel protein-bound particles	27	pazopanib hcl	26
OTEZLA TABS	4	paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	28	PEDIARIX SUSY	62
OTEZLA TBPk	4	paliperidone 6 MG	28	pediatric multivitamins w/fl CHEW	55
oxacillin sodium IV 10 GM	59	palonosetron hcl SOLN	17	PEDVAX HIB SUSP	64
oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	43	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	49
oxandrolone	7	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 43		peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	49
oxaprozin TABS	4	PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	42	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	49
oxazepam CAPS	8	PANRETIN	38	PEGASYS SOLN	31
OXBRYTA TABS 500 MG	47	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 63		PEGASYS SOSY	31
oxcarbazepine SUSP	12	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 63		PEMAZYRE	26
oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12	PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	35	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23	
oxcarbazepine TABS 600 MG	12	paricalcitol CAPS	44	penciclovir	39
oxiconazole nitrate CREA	38	paricalcitol SOLN	44	penicillamine CAPS	54
OXISTAT LOTN	38	paroxetine hcl SUSP	13	penicillamine TABS	54
oxybutynin chloride SOLN	63	paroxetine hcl TABS 10 MG	13	penicillin g potassium 5000000 UNIT 59	
oxybutynin chloride TABS 5 MG	63	paroxetine hcl TABS 20 MG	13	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	59
oxybutynin chloride TB24	63	paroxetine hcl TABS 30 MG	13	PENICILLIN G PROCAINE	59
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	5	paroxetine hcl TABS 40 MG	13	penicillin g sodium	59
oxycodone hcl TABS	5	paroxetine hcl TB24 12.5 MG	13	penicillin v potassium SOLR	59
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG		penicillin v potassium TABS	59
oxymorphone hcl TABS	5			PENTACEL	62
oxymorphone hcl TB12 40 MG	6			pentazocine w/ naloxone hcl	7
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6					
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	15				
OZEMPIC SOPN	15				

pentoxifylline	47	phenoxybenzamine hcl	19	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	53
perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .	19	phentermine hcl CAPS	1	PLEGRIDY SOPN	60
perindopril erbumine 4 MG	19	phenytoin CHEW	12	PLEGRIDY SOSY SC	60
PERJETA	24	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	12	PLEGRIDY STARTER PACK SOPN .	60
permethrin CREA	41	phenytoin sodium SOLN	12	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	60
permethrin LIQD EX	41	phenytoin SUSP	12	plerixafor	48
perphenazine TABS	29	PHEXXI	67	PNEUMOVAX 23	64
perphenazine-amitriptyline	60	PHOSLYRA SOLN	46	PNEUMOVAX 23/1 DOSE	64
PERSERIS PRSY	28	PHOTOFRIN	27	podofilox SOLN	41
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE SUSP	66	PIFELTRO	30	polymyxin b sulfate SOLR	21
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y SUSP	66	pilocarpine hcl (oral)	55	polymyxin b-trimethoprim	57
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	66	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % .	57	POMALYST	25
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y SUSP	66	pimecrolimus	41	posaconazole SUSP	18
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	66	pimozide	61	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML .	53
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	66	pindolol TABS	32	potassium bicarbonate TBEF	53
PHARMACIST CHOICE ULTRA THIN LANCETS 33G	51	pioglitazone hcl	16	potassium chloride CPCR	53
PHEBURANE PLLT	44	pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	53
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	47	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS .	15	potassium chloride in dextrose 5 %- 20 MEQ/L	53
phendimetrazine tartrate TABS	1	piperacillin sodium-tazobactam sodium	59	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L- 0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L- 0.9 %	53
phenelzine sulfate	13	PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride microencapsulated crystals er	53
phenobarbital ELIX	48	PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	26		
phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG	48	PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	26		
		pirfenidone CAPS	61		
		pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG	61		
		pirfenidone TABS 534 MG	61		
		piroxicam CAPS	4		
		PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	53		

potassium chloride PACK OR 20 MEQ53	prednicarbate OINT41	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 55
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 53	prednisolone acetate (ophth)58	PRENATAL ONE DAILY TABS55
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML53	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE58	PRENATAL PLUS TABS 55
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ54	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 36	PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS 55
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS 53	prednisolone sodium phosphate TBDP36	PRENATAL TABS 55
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)53	prednisolone SOLN36	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS55
potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG46	prednisolone TABS 36	PRENATAL VITAMIN TABS55
potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML53	prednisone SOLN36	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS 55
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD37	prednisone TABS 1 MG, 5 MG 36	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS55
pralatrexate 20 MG/ML 23	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG36	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT 55
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG28	prednisone TBPK36	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT 55
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG28	pregabalin (once-daily) 330 MG ...61	PRENATRIX TABS 55
prasugrel hcl47	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG 61	PRENATRYL TABS55
pravastatin sodium 19	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12	PREPLUS TABS55
praziquantel7	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ... 12	PREVNAR 13 64
prazosin hcl CAPS20	pregabalin SOLN12	PREVNAR 20 64
PRECISION XTRA42	PREHEVBRIO66	PREZCOBIX 30
PRED MILD 58	PREMARIN67	PREZISTA SUSP30
PRED-G SUSP58	PREMARIN SOLR45	PREZISTA TABS (darunavir)30
	PREMARIN TABS45	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG 30
	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC50	PRIFTIN22
	PREMPHASE45	primaquine phosphate TABS22
	PREMPRO45	primidone 50 MG, 250 MG12
		PRIORIX SUSR66
		PROAIR DIGIHALER10
		PROAIR RESPICLICK AEPB10

probenecid	47	PROVISC SOSY	58	quinine sulfate CAPS 324 MG	22
procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8		PTS PANELS KETONE TEST	42	QUZYTIR SOLN IV	18
prochlorperazine	29	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	QVAR REDHALER	9
prochlorperazine maleate TABS ...	29	PULMOZYME	61	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	56
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	48	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	55	RA PRENATAL TABS	56
PROCRIT 40000 UNIT/ML	48	pyrazinamide	22	rabeprazole sodium TBEC	63
progesterone CAPS	60	pyridostigmine bromide SOLN OR	22	raloxifene hcl	44
PROGRAF PACK	54	pyridostigmine bromide TABS 60 MG	22	ramelteon	49
PROGRAF SOLN	54	pyridostigmine bromide TBCR	22	ramipril CAPS	19
PROLASTIN-C SOLN	61	pyrimethamine	22	ranitidine hcl TABS 150 MG	63
PROLASTIN-C SOLR	61	QC PRENATAL TABS	55	ranolazine TB12 1000 MG	7
PROLEUKIN	27	QINLOCK	26	ranolazine TB12 500 MG	7
PROLIA SOSY	43	QUADRACEL SUSP	62	rasagiline mesylate	28
promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML	18	QUADRACEL SUSY	62	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	50
promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	29	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	50
promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG	29	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 50	
promethazine hcl SYRP	18	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	29	REBIF REBIDOSE SOAJ	60
promethazine hcl TABS	18	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG	29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	60
propafenone hcl CP12	8	quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19	REBIF SOSY	61
propafenone hcl TABS	8	quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	60
proparacaine hcl	57	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	20	RECOMBIVAX HB SUSP	66
propranolol hcl CP24	32	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	20	RECOMBIVAX HB SUSY	66
propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	32	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG	20	RECTIV 0.4 % (nitroglycerin (intra- anal))	7
propranolol hcl TABS	32	quinidine sulfate TABS	8	REGRANEX	41
propylthiouracil	62			RELENZA DISKHALER	31
protriptyline hcl	14			RELEXXII TBCR 27 MG	2

RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	MG	43	RUXIENCE	24
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	42	risedronate sodium TBEC	43	RYBELSUS TABS	15
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	42	RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)	28	salsalate	5
RENFLEXIS	46	risperidone microspheres	28	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	45
repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16	risperidone SOLN	28	SANTYL OINT	41
repaglinide 2 MG	16	risperidone TABS	28	sapropterin dihydrochloride PACK	44
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	19	risperidone TBDP	28	sapropterin dihydrochloride TABS	44
REPATHA SOSY	19	ritonavir TABS	30	SAVELLA TABS	60
REPATHA SURECLICK SOAJ	19	rivastigmine tartrate CAPS	60	SAVELLA TITRATION PACK MISC	60
RETACRIT	48	rizatriptan benzoate TABS 10 MG	52	saxagliptin hcl	15
RETEVMO	26	rizatriptan benzoate TABS 5 MG	52	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG	15
RETROVIR IV INFUSION SOLN	30	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	52	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	15
REXULTI	29	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG	52	scopolamine	17
ribavirin (hepatitis c) CAPS	31	roflumilast	9	SELECT INSULIN SYRINGES	51
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG	31	romidepsin SOLR	26	SELECT LANCETS	51
RIDAURA	3	ropinirole hydrochloride TABS	28	selegiline hcl CAPS	28
rifabutin	22	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	28	selegiline hcl TABS	28
rifampin CAPS	22	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	28	selenium sulfide LOTN 2.5 %	39
rifampin SOLR	23	rosuvastatin calcium TABS	19	SELZENTRY SOLN	30
riluzole TABS	56	ROTARIX SUSP	66	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	30
rimantadine hydrochloride TABS	31	ROTARIX SUSR	66	SEREVENT DISKUS	10
ringer's	53	ROTATEQ SOLN	66	sertraline hcl CONC	13
ringer's irrigation	54	ROZLYTREK CAPS	26	sertraline hcl TABS 100 MG	14
RINVOQ	2	RUBRACA	26	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG	14
risedronate sodium TABS 150 MG	43	rufinamide SUSP	12	sevelamer carbonate PACK	46
risedronate sodium TABS 35 MG	43	rufinamide TABS 200 MG	12	sevelamer carbonate TABS	46
risedronate sodium TABS 5 MG, 30		rufinamide TABS 400 MG	12	SHINGRIX	66
		RUKOBIA	30		

SIGNIFOR	45	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	53	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	66
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	33	sodium phenylbutyrate POWD	44	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	66
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	33	sodium phenylbutyrate TABS	44	spinosad	41
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	33	sodium polystyrene sulfonate POWD 54		SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) ..	9
sildenafil citrate	33	sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML	54	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9
silodosin	47	sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate	49	spironolactone & hydrochlorothiazide	43
silver sulfadiazine	39	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	31	spironolactone TABS	43
SIMPONI ARIA SOLN	3	solifenacin succinate TABS	63	SPRAVATO 56MG DOSE	13
SIMULECT	54	SOLIQUA 100/33	15	SPRAVATO 84MG DOSE	13
simvastatin TABS	19	SOLOSEC	2	SPRYCEL	26
sirolimus TABS	54	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	36	stannous fluoride CONC	55
SIRTURO	23	SOLU-CORTEF 250 MG	36	stavudine CAPS	30
SIVEXTRO TABS	21	SOLU-MEDROL 2 GM	36	STELARA 130 MG/26ML	46
SKYLA	35	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 44		STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	39
SKYRIZI PEN SOAJ	39	SORAFENIB tosylate	26	STELARA SOSY 90 MG/ML	39
SKYRIZI PSKT	39	SORBITOL 3 %	46	STENDRA	33
SKYRIZI SOCT	46	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	46	STIMATE SOLN NA	45
SKYRIZI SOSY	39	sotalol hcl (afib/af)	32	STIOLTO RESPIMAT	10
SLYND	35	sotalol hcl TABS 240 MG	32	STIVARGA	26
SM PRENATAL VITAMINS TABS ..	56	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	32	streptomycin sulfate SOLR	2
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	53	SOVALDI TABS 200 MG	31	STRIBILD	30
sodium acetate SOLN	52	SOVALDI TABS 400 MG	31	STRIVERDI RESPIMAT	10
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	46	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	66	SUBSYS LIQD 100 MCG	6
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	36			SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	54			SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	6
sodium citrate & citric acid	46			sucralfate SUSP	63

sucralfate TABS	63	sumatriptan-naproxen sodium	52	tamoxifen citrate TABS	24
sulconazole nitrate CREA	38	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	26	tamsulosin hcl	47
sulconazole nitrate SOLN	38	SUNOSI 150 MG	1	TASIGNA 150 MG, 200 MG	26
sulfacetamide sodium (acne)	37	SUNOSI 75 MG	1	TASIGNA 50 MG	26
sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 57		SYNAREL	44	tavaborole	38
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	37	SYNERA PTCH	41	tazarotene CREA	39
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	37	SYNJARDY TABS	15	TAZVERIK	26
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	37	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TDVAX SUSP	62
sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	37	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	TEFLARO	34
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	58	SYNRIBO	27	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12	
sulfadiazine TABS	61	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	62	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12	
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	TABLOID	23	TEGSEDI	61
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	TABRECTA	26	telmisartan	19
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus (topical) OINT	41	telmisartan-amlodipine	20
SULFAMYLON CREA	39	tacrolimus CAPS	54	telmisartan-hydrochlorothiazide ..	20
sulfasalazine TABS	46	tadalafil (pulmonary hypertension) TABs	33	temazepam 15 MG, 30 MG	48
sulfasalazine TBEC	46	tadalafil 5 MG	33	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	48
sulindac TABS	4	TAFINLAR CAPS	26	TEMODAR SOLR	23
sumatriptan	52	TAFINLAR TBSO	26	temozolomide CAPS	23
sumatriptan succinate SOAJ	52	tafluprost	58	temsirolimus	26
sumatriptan succinate SOCT	52	TAGRISSO 40 MG	24	TENIVAC INJ	62
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	52	TAGRISSO 80 MG	24	tenofovir disoproxil fumarate TABS 30	
sumatriptan succinate TABS	52	TAKHZYRO SOLN	47	terazosin hcl	20
		TAKHZYRO SOSY	47	terbinafine hcl TABS	17
		TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	26	terbutaline sulfate SOLN	10
				terbutaline sulfate TABS	10
				terconazole vaginal CREA	67
				terconazole vaginal SUPP	67

teriflunomide	61	tiotropium bromide monohydrate CAPS	9	tramadol hcl TB24	6
teriparatide (recombinant) SOPN ..	43	TIVICAY TABS	30	tramadol-acetaminophen	6
TERIPARATIDE SOPN	43	tizanidine hcl CAPS	56	trandolapril 1 MG, 2 MG	19
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7	tizanidine hcl TABS	56	trandolapril 4 MG	19
testosterone cypionate SOLN IM ...	7	tobramycin (ophth) SOLN	57	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	20
testosterone enanthate SOLN IM ...	7	tobramycin NEBU	2	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	20
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	62	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ...	2	tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	48
tetrabenazine	60	tobramycin-dexamethasone SUSP 58		tranexamic acid TABS	48
tetracycline hcl CAPS	62	TODAY SPONGE MISC	66	tranylcypromine sulfate	13
THALOMID	54	tolcapone	27	travoprost SOLN	58
theophylline ELIX	10	tolmetin sodium CAPS	4	TRAZIMERA	24
theophylline SOLN	10	tolmetin sodium TABS 600 MG	4	trazodone hcl TABS	14
theophylline TB12	10	TOLSURA CAPS	18	TRECTOR	23
theophylline TB24	10	tolterodine tartrate CP24	63	TRELEGY ELLIPTA	10
THERANATAL CORE NUTRITION TABs	56	tolterodine tartrate TABs	63	TRELSTAR MIXJECT	25
THIOLA EC TBEC 100 MG	47	tolvaptan TABs	45	TREMFYA SOPN	39
THIOLA EC TBEC 300 MG	47	topiramate CPSP 15 MG	12	TREMFYA SOSY	39
thioridazine hcl	29	topiramate CPSP 25 MG	12	treprostinil SOLN IJ	33
thiotepa 15 MG	23	topiramate CS24	12	tretinoin (chemotherapy)	27
thiothixene	29	topiramate TABs 200 MG	12	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	37
THYMOGLOBULIN	54	topiramate TABs 25 MG, 100 MG ..	12	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	37
THYROGEN 0.9 MG	42	topiramate TABs 50 MG	12	tretinoin microsphere 0.1 %	37
tiagabine hcl	12	topotecan hcl SOLN	27	TREXALL TABs 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	23
TIBSOVO	26	topotecan hcl SOLR	27	triamcinolone acetonide (mouth) ..	55
tigecycline	61	toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (nasal)	
timolol maleate (ophth) SOLG	57	torsemide TABs	43	AERO	56
timolol maleate (ophth) SOLN	57	TRACLEER TBSO	33	triamcinolone acetonide (topical)	
timolol maleate TABs	32	tramadol hcl TABs 50 MG	6		

CREA 0.025 %	41	TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	.61	TRUSTEX	
triamcinolone acetonide (topical)		trimethobenzamide hcl CAPS	17	LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA	
CREA 0.1 %	41	trimethoprim TABS	21	STRENGTH MISC	50
triamcinolone acetonide (topical)		trimipramine maleate CAPS	14	TRUSTEX	
CREA 0.5 %	41	TRINTELLIX	14	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	50
triamcinolone acetonide (topical)		TRIUMEQ TABS	30	TRUSTEX NATURAL CONDOMS	
LOTN 0.025 %	41	TRIZIVIR	30	+LUBE/LUBRICATED MISC	51
triamcinolone acetonide (topical)		tropicamide SOLN 0.5 %	57	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-	
LOTN 0.1 %	41	tropicamide SOLN 1 %	57	9/RIBBED/STUDED MISC	51
triamcinolone acetonide (topical)		trosipium chloride CP24	63	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	51
OINT 0.025 %, 0.1 %	41	trosipium chloride TABS	63	TRUSTEX/RIA LUBRICATED	
triamcinolone acetonide (topical)		TRUE METRIX BLOOD		SPERMICIDE MISC	51
OINT 0.5 %	41	GLUCOSETEST STRIPS STRP	42	TRUSTEX/RIA	
triamcinolone acetonide SUSP 40		TRUE METRIX CONTROL		LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	51
MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	36	SOLUTION LEVEL 3 SOLN	51	TRUXIMA	24
triamcinolone acetonide-dimethicone-		TRUEPLUS PEN NEEDLES		TUKYSA	24
silicone	41	31GX5MM	51	TURALIO	26
triamterene & hydrochlorothiazide		TRUETRACK TEST STRP	42	TUZISTRA XR	36
CAPS 25 MG-37.5 MG	43	TRULICITY	15	TWINRIX SUSY	66
triamterene & hydrochlorothiazide		TRUMENBA	64	TWIRLA	35
TABS	43	TRUSTEX COLOR CONDOMS +		TYBLUME CHEW	35
triamterene CAPS	43	LUBE MISC	50	TYBOST	30
triazolam	48	TRUSTEX LUBRICATED		TYMLOS	43
TRICARE TABS	56	EXTRALARGE MISC	50	TYVASO REFILL SOLN IN	33
trientine hcl 250 MG	54	TRUSTEX LUBRICATED		TYVASO SOLN IN	33
trifluoperazine hcl TABS	29	EXTRASTRENGTH MISC	50	TYVASO STARTER SOLN IN	33
trifluridine	57	TRUSTEX LUBRICATED MISC	51	UBRELVY	52
trihexyphenidyl hcl SOLN	27	TRUSTEX		UCERIS (budesonide (intrarectal))	7
trihexyphenidyl hcl TABS	27	LUBRICATED/RIBBED/STUDED		UDENYCA SOAJ	48
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-		MISC	50	UDENYCA SOSY	48
12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	15	TRUSTEX			
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10		LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA			
MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	LARGE MISC	50		

ULTIGUARD SAFEPAK/MINI PEN NEEDLE/32G X 1/4"/SHARPS CONTAIN	51	VARIVAX INJ	66	VIREAD POWD	30
UPTRAVI TABS 200 MCG	33	VARUBI TBPK	17	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	30
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	33	VAXNEUVANCE	64	VISTOGARD	16
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 33		VECAMYL	20	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	67
ursodiol CAPS	45	VECTIBIX 100 MG/5ML	24	VITATHELY/GINGER TABS	56
ursodiol TABS	45	VELPHORO	46	VITRAKVI CAPS	26
UVADEX	27	venlafaxine hcl CP24 150 MG	14	VITRAKVI SOLN	26
valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	31	venlafaxine hcl CP24 37.5 MG	14	VIZIMPRO	24
valacyclovir hcl 500 MG	31	venlafaxine hcl CP24 75 MG	14	VORAXAZE	27
valganciclovir hcl TABS	30	venlafaxine hcl TABS	14	voriconazole TABS	18
valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML	12	venlafaxine hcl TB24 150 MG	14	VOTRIENT (pazopanib hcl)	26
valproic acid CAPS	12	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	14	VYNDAMAX	33
valrubicin	25	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	32	VYNDAQEL	33
valsartan TABS	19	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	32	VYVANSE CAPS	1
valsartan-hydrochlorothiazide	20	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	32	warfarin sodium TABS	10
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD ...	11	verapamil hcl TABS	32	water for irrigation, sterile	54
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...	11	verapamil hcl TBCR	32	WESTAB PLUS TABS	56
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...	11	VEREGEN	37	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	51
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	11	VERZENIO	26	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	51
vancomycin hcl CAPS	21	VICTOZA	15	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	51
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG	21	vigabatrin PACK	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	51
vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .	21	vigabatrin TABS	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	51
VAQTA	66	VIIBRYD STARTER PACK KIT ...	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	51
varenicline tartrate TABS	61	vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	51
varenicline tartrate TBPK	61	vincristine sulfate	27	WIDE-SEAL SILICONE	
		vinorelbine tartrate 10 MG/ML	27		
		VIRACEPT TABS 250 MG	30		
		VIRACEPT TABS 625 MG	30		

DIAPHRAGM KIT 95	51	XTANDI TABS 40 MG	25	ZIRABEV	24
XALKORI CAPS	26	XTANDI TABS 80 MG	25	ZIRGAN GEL	57
XARELTO STARTER PACK TBPK 10		XULTOPHY 100/3.6	15	ZOLADEX 10.8 MG	25
XARELTO SUSR	10	YERVOY	24	ZOLADEX 3.6 MG	25
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10	YONSA	25	zoledronic acid CONC	43
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10	zafirlukast	9	zoledronic acid SOLN	43
XELJANZ SOLN	2	zaleplon 10 MG	49	ZOLINZA	27
XELJANZ TABS 10 MG	2	zaleplon 5 MG	48	zolmitriptan SOLN	52
XELJANZ TABS 5 MG	2	ZALTRAP 100 MG/4ML	24	zolmitriptan TABS	52
XELJANZ XR TB24	2	ZANOSAR	23	zolmitriptan TBDP	52
XEOMIN	56	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	12	zolpidem tartrate TABS	49
XERAVA	61	ZARXIO	48	zolpidem tartrate TBCR	49
XGEVA SOLN	43	ZEJULA CAPS	26	zonisamide CAPS	12
XHANCE EXHU	56	ZEJULA TABS 100 MG	27	ZONTIVITY	47
XIFAXAN 200 MG	21	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..	27	ZORBTIVE SC	44
XIFAXAN 550 MG	21	ZELBORAF	27	ZYDELIG	27
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	42	ZYLET	58
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	42		
XOLAIR SOLR	8	zidovudine CAPS	30		
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	8	zidovudine SYRP	30		
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	8	zidovudine TABS	30		
XOSPATA	26	ZIEXTENZO	48		
XPOVIO	25	zileuton TB12	9		
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25		ziprasidone hcl	28		
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25					
XTAMPZA ER	6				
XTANDI CAPS	25				

